CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG
DN: C=VN, S=THÀNH PHỐ HÀ NỘI, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0201452588
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.08.26 22:54:43+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2025.1.0

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01/01/2026 ĐẾN NGÀY 30/06/2026

Tháng 08 năm 2026

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	11 - 37

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang (sau đây được gọi là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026 đã được soát xét.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026 và đến ngày phê duyệt báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đào Hữu Kha	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 08/05/2026
Ông Đào Hữu Huyền	Chủ tịch HĐQT	Miễn nhiệm ngày 08/05/2026
Ông Đào Hữu Duy Anh	Phó Chủ tịch HĐQT	Miễn nhiệm ngày 08/05/2026
Ông Đào Đức Mạnh	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 13/08/2026
Ông Đỗ Văn Đông	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 13/08/2026
Ông Phạm Duy Tùng	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 08/05/2026
Ông Lưu Bách Đạt	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 13/08/2026
Ông Nguyễn Quốc Trung	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 13/08/2026
Ông Phạm Văn Hùng	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 08/05/2026
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Thành viên HĐQT độc lập	

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phạm Duy Tùng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 13/08/2026
Ông Lưu Bách Đạt	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 13/08/2026
Ông Võ Thăng Long	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 13/08/2026
Ông Đào Đức Mạnh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 13/08/2026
Ông Phùng Trọng Tú	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 13/08/2026
Ông Phạm Văn Hùng	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 08/05/2026

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Văn Kiên	Trưởng ban
Ông Vũ Văn Ngọ	Thành viên
Bà Phạm Thị Thoa	Thành viên

Người đại diện theo pháp luật

Ông Phạm Duy Tùng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 13/08/2026
Ông Lưu Bách Đạt	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 13/08/2026
Ông Đào Hữu Huyền	Chủ tịch HĐQT	Miễn nhiệm ngày 08/05/2026
Ông Đào Hữu Duy Anh	Phó Chủ tịch HĐQT	Miễn nhiệm ngày 08/05/2026

Kế toán trưởng

Bà Trương Thị Loan	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 08/05/2026
Bà Đào Thị Mai	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 08/05/2026

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 30/06/2026 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập và trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

THÔNG TIN KHÁC

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty nên đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") cho giai đoạn từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026 để có đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

M.S.D.N: 0101432888 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG
Q. LONG BIÊN - TP. HÀ NỘI

Phạm Duy Tùng
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 26 tháng 08 năm 2026

UHY
Connect to possibility

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Tầng 5, Toà B2, Roman Plaza, Đường Tố Hữu,
Phường Đại Mỗ, Thành phố Hà Nội
T: +84 24 5678 3999
E: uhy-info@uhy.vn
uhy.vn

Số: 994/2026/UHY – BCSX

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang cho giai đoạn từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang

Chúng tôi đã tiến hành soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang (gọi tắt là "Công ty"), bao gồm Báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng và Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn từ 01/01/2026 đến 30/06/2026. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập ngày 26 tháng 08 năm 2026, từ trang 06 đến trang 37 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Như đã trình bày tại "Thuyết minh số 32 – Thông tin liên quan đến việc một số lãnh đạo chủ chốt bị khởi tố và đang trong quá trình phục vụ điều tra", tại ngày 17/03/2026 và ngày 23/07/2026, Công ty đã công bố thông tin về việc một số thành viên Ban lãnh đạo chủ chốt của Công ty bị khởi tố và đang trong quá trình phục vụ công tác điều tra liên quan đến các vấn đề về khai thác tài nguyên, môi trường và kế toán.

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Tại thời điểm phát hành Báo cáo soát xét này, vụ việc vẫn đang trong quá trình điều tra và chưa có kết luận chính thức của cơ quan có thẩm quyền. Do đó, chúng tôi chưa thể thu thập đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để xác định liệu các vấn đề nêu trên có dẫn đến các điều chỉnh cần thiết đối với các chỉ tiêu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không, cũng như ảnh hưởng có thể có của các vấn đề này đến Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn "Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ", chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang tại ngày 30/06/2026, và kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang cho giai đoạn từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 đã được Chi nhánh Công ty TNHH PwC (Việt Nam) tại Hà Nội soát xét và đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần theo báo cáo soát xét số HAN 4170 ngày 14/08/2025.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
UHY
MSDN: 0102021062
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Trịnh Thị Trang
Giám đốc kiểm toán
Giấy CNĐKHNKT số: 4061-2022-112-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Hà Nội, ngày 26 tháng 08 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**5.236.295.699.903**	**5.074.376.829.992**
Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**5**	**4.553.644.044**	**689.168.385.341**
Tiền	111		4.553.644.044	430.168.385.341
Các khoản tương đương tiền	112		-	259.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**5.088.866.440.171**	**4.217.384.499.465**
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	6	5.088.866.440.171	4.217.384.499.465
Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**25.825.377.646**	**72.819.308.575**
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	12.790.056.527	56.588.622.690
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	12.888.256.187	16.057.024.565
Phải thu ngắn hạn khác	135	9	147.064.932	173.661.320
Hàng tồn kho	**140**	**10**	**115.036.050.088**	**89.191.839.228**
Hàng tồn kho	141		115.036.050.088	89.191.839.228
Tài sản ngắn hạn khác	**160**		**2.014.187.954**	**5.812.797.383**
Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	13	2.003.334.191	2.105.737.118
Thuế GTGT được khấu trừ	162		10.853.763	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	16	-	3.707.060.265
TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**5.724.690.147.900**	**5.734.699.588.409**
Tài sản cố định	**220**		**92.754.558.586**	**104.453.372.330**
Tài sản cố định hữu hình	221	11	92.754.558.586	104.453.372.330
- Nguyên giá	*222*		*375.816.715.792*	*377.168.286.325*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(283.062.157.206)*	*(272.714.913.995)*
Tài sản cố định vô hình	227	12	-	-
- Nguyên giá	*228*		*265.000.000*	*265.000.000*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		*(265.000.000)*	*(265.000.000)*
Tài sản dở dang dài hạn	**250**		**2.807.877.106**	**46.144.500**
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252		2.807.877.106	46.144.500
Đầu tư tài chính dài hạn	**260**		**5.584.952.700.800**	**5.584.952.700.800**
Đầu tư vào công ty con	261	6	5.584.952.700.800	5.584.952.700.800
Tài sản dài hạn khác	**270**		**44.175.011.408**	**45.247.370.779**
Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	13	44.175.011.408	45.247.370.779
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**280**		**10.960.985.847.803**	**10.809.076.418.401**

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**293.347.306.715**	**1.529.864.198.768**
Nợ ngắn hạn	**310**		**293.347.306.715**	**1.529.864.198.768**
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	5.011.310.993	10.442.433.259
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		216.722.424	314.588.869
Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313	15	-	1.139.335.239.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	16	18.162.105.789	58.169.464.982
Phải trả người lao động	315		10.060.496.865	26.066.758.000
Phải trả ngắn hạn khác	320	17	3.536.125.571	3.662.946.173
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	18	256.360.545.073	291.872.768.485
VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**	**19**	**10.667.638.541.088**	**9.279.212.219.633**
Vốn góp của chủ sở hữu	411		3.797.792.860.000	3.797.792.860.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*3.797.792.860.000*	*3.797.792.860.000*
Thặng dư vốn	412		1.786.667.372.400	1.786.667.372.400
Cổ phiếu mua lại của chính mình	415		(8.730.000)	(8.730.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		1.677.027.256.490	1.677.027.256.490
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		3.406.159.782.198	2.017.733.460.743
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	*420a*		*2.017.733.460.743*	*1.133.403.156.900*
- LNST chưa phân phối kỳ này	*420b*		*1.388.426.321.455*	*884.330.303.843*
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**10.960.985.847.803**	**10.809.076.418.401**

Phê duyệt, ngày 26 tháng 08 năm 2026

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Hồng Đức	Trương Thị Loan	Phạm Duy Tùng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	194.939.755.851	377.867.525.956
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		194.939.755.851	377.867.525.956
Giá vốn hàng bán	11	22	154.138.450.083	212.467.074.764
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**20**		**40.801.305.768**	**165.400.451.192**
Doanh thu hoạt động tài chính	22	23	1.422.746.933.105	1.299.010.381.130
Chi phí tài chính	23		75.878.226	87.927.572
Chi phí bán hàng	25	24	23.715.180.994	36.184.560.221
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	27.343.417.944	24.919.019.907
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**30**		**1.412.413.761.709**	**1.403.219.324.622**
Thu nhập khác	31		323.470.871	688.861.099
Chi phí khác	32		309.611.096	83.660.312
Lợi nhuận khác	**40**		**13.859.775**	**605.200.787**
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**		**1.412.427.621.484**	**1.403.824.525.409**
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	24.001.300.029	41.870.451.242
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**60**		**1.388.426.321.455**	**1.361.954.074.167**

Phê duyệt, ngày 26 tháng 08 năm 2026

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Hồng Đức	Trương Thị Loan	Phạm Duy Tùng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	***01***		***1.412.427.621.484***	***1.403.824.525.409***
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		11.590.733.256	16.628.337.951
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		3.534.815	86.461.092
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05		(1.422.354.519.622)	(1.298.977.209.046)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	***08***		***1.667.369.933***	***121.562.115.406***
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		50.552.626.985	(40.998.739.096)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(25.844.210.860)	(14.189.596.793)
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(22.202.549.762)	(18.859.158.707)
Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12		1.174.762.298	14.891.841.946
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(63.468.179.908)	(58.461.415.506)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(35.512.223.412)	(137.434.485.189)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***		***(93.632.404.726)***	***(133.489.437.939)***
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.816.732.606)	(4.252.068.132)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		304.962.963	6.325.469.910
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(3.685.000.000.000)	(1.724.600.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		2.834.202.027.090	1.124.617.397.918
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(500.000.000.000)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.401.663.064.126	1.238.339.243.498
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***		***548.353.321.573***	***140.430.043.194***

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.139.335.239.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***		***(1.139.335.239.000)***	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	**50**		**(684.614.322.153)**	**6.940.605.255**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**	**5**	**689.168.385.341**	**5.494.085.885**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(419.144)	26.562.415
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	**70**	**5**	**4.553.644.044**	**12.461.253.555**

Phê duyệt, ngày 26 tháng 08 năm 2026

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Hồng Đức	Trương Thị Loan	Phạm Duy Tùng

1. Đặc điểm hoạt động của Công ty

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0101452588 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 5 tháng 3 năm 2004. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi gần nhất (lần thứ 27) được cấp vào ngày 18 tháng 08 năm 2026.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã giao dịch cổ phiếu là DGC. Cổ phiếu của Công ty hiện thuộc diện hạn chế giao dịch theo Quyết định số 448/QĐ-SGDHCM ngày 20/05/2026 do HOSE ban hành (về việc sửa đổi Điều 2 tại Quyết định số 445/QĐ-SGDHCM ngày 19/05/2026).

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 18 ngõ 44, phố Đức Giang, Phường Việt Hưng, TP Hà Nội, Việt Nam.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, Công ty có 288 nhân viên (tại ngày 01 tháng 01 năm 2026: 295 nhân viên).

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp. Hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- Sản xuất hóa chất cơ bản, chi tiết: sản xuất nguyên liệu và các mặt hàng hóa chất;
- Sản xuất phân bón và hợp chất nitơ, chi tiết: sản xuất các mặt hàng phân bón;
- Buôn bán các mặt hàng cao su, sơn, chất dẻo, phân bón; buôn bán nguyên liệu và các mặt hàng hóa chất;
- Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; và
- Khai khoáng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Như đã trình bày tại "Thuyết minh số 34 – Số liệu so sánh", kể từ ngày 01/01/2026, Công ty đã áp dụng Thông tư 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp (thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC). Theo đó, khoản dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn được phân loại lại từ khoản mục "Phải thu ngắn hạn khác" sang khoản mục "Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn" (chi tiết tại Thuyết minh số 6) và khoản cổ tức, lợi nhuận phải trả được phân loại từ khoản mục "Phải trả ngắn hạn khác" sang khoản mục "Phải trả cổ tức, lợi nhuận" (chi tiết tại Thuyết minh số 15).

Đây là thay đổi về phân loại trình bày, không ảnh hưởng đến tổng giá trị tài sản, kết quả hoạt động kinh doanh hay lưu chuyển tiền tệ của kỳ so sánh. Ngoài nội dung nêu trên, việc áp dụng Thông tư này không có ảnh hưởng trọng yếu đến các chính sách kế toán và số liệu đã được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng. Do đó, số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026 có thể so sánh được với số liệu tương ứng của kỳ trước.

Cấu trúc công ty

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, Công ty có ba (03) chi nhánh trực thuộc hạch toán phụ thuộc (Chi nhánh Hưng Yên, thành phố Hồ Chí Minh và Lào Cai), bảy (07) công ty con trực tiếp như sau:

STT	Tên công ty con	Địa chỉ hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
1	Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Lào Cai	Khu công nghiệp Tằng Loỏng, xã Tằng Loỏng, tỉnh Lào Cai	100%	100%	Sản xuất công nghiệp
2	Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang - Đình Vũ	Lô CN5.3K, Khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải, thành phố Hải Phòng	100%	100%	Kinh doanh kho bãi và lưu giữ hàng hóa
3	Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Nghi Sơn	Khu công nghiệp số 15, Khu kinh tế Nghi Sơn, xã Trường Lâm, tỉnh Thanh Hóa	100%	100%	Sản xuất công nghiệp
4	Công ty TNHH MTV Thể thao Hóa chất Đức Giang	Phường Việt Hưng, thành phố Hà Nội	100%	100%	Hoạt động thể thao
5	Công ty TNHH MTV Bất động sản Đức Giang	Phường Việt Hưng, thành phố Hà Nội	100%	100%	Kinh doanh bất động sản
6	Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang - Đắk Nông	Khu Công nghiệp Tâm Thắng, Xã Cư Jút, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất công nghiệp
7	Công ty Cổ phần Ắc quy Tia Sáng	Đại lộ Tôn Đức Thắng, Phường An Hải, TP Hải Phòng, Việt Nam	51%	51%	Sản xuất công nghiệp

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính, các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Ngoài ra, Công ty cũng đã lập Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong Báo cáo tài chính hợp nhất, các công ty con là những công ty mà Tập đoàn kiểm soát các chính sách hoạt động và tài chính, đã được hợp nhất đầy đủ.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025, các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan.

4. Các chính sách kế toán, ước tính kế toán và các quy định pháp luật có liên quan áp dụng

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ kế toán từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo một tỷ giá là tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua, bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch. Công ty đảm bảo tỷ giá xấp xỉ có chênh lệch không vượt quá +/- 1% so với tỷ giá mua/bán chuyển khoản trung bình, và không làm ảnh hưởng trọng yếu đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng tháng trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Riêng số dư các khoản tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ, Công ty đánh giá lại số dư tất cả các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản tiền gửi. Công ty không thực hiện đánh giá lại đối với một phần hoặc toàn bộ giá trị nợ phải thu có gốc ngoại tệ đã được trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn nợ gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng; được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền theo tháng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ kế toán kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Chi phí chờ phân bổ của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực sau ngày hiệu lực của Luật đất đai 2003 (tức là ngày 1 tháng 7 năm 2004) hoặc không được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì được ghi nhận là chi phí chờ phân bổ và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn thuê trả trước. Chi phí san lấp, giải phóng mặt bằng liên quan đến đất thuê được phân bổ tương ứng với thời hạn thuê đất.

Chi phí chờ phân bổ khác

Chi phí chờ phân bổ khác bao gồm chi phí vật tư xe, chi phí sử dụng đường bộ xe và các chi phí khác được ghi nhận theo giá gốc và phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong vòng từ 06 đến 36 tháng.

Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Tài sản cố định hữu hình và vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào vị trí và trạng thái cần thiết để có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của Công ty. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình và vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Giá trị phải khấu hao là nguyên giá của TSCĐ hữu hình ghi trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trừ đi (-) giá trị thanh lý ước tính của tài sản đó. Khấu hao của TSCĐ hữu hình được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản như sau:

Nhóm tài sản cố định	Thời gian sử dụng (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 25
Máy móc, thiết bị	03 – 10
Phương tiện vận tải	05 – 08
Thiết bị văn phòng	03 – 06
Phần mềm	05

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất do Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất, quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp, và tiền sử dụng đất đã trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước ngày hiệu lực của luật đất đai 2003 (tức là ngày 1 tháng 7 năm 2004) và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn được ghi nhận theo nguyên giá và không khấu hao.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản trong quá trình lắp đặt hoặc xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị hoặc cho bất kì mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại TSCĐ khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị nghĩa vụ hiện tại mà Công ty phải thanh toán trong tương lai, phát sinh từ các giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ đã nhận được hoặc các nghĩa vụ tài chính khác tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết nợ phải trả theo kỳ hạn trả nợ gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng. Nợ phải trả không được ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán: Phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty;
- Phải trả cổ tức, lợi nhuận: Phản ánh các khoản cổ tức, lợi nhuận doanh nghiệp trả cho các cổ đông của doanh nghiệp;
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Thặng dư vốn được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu mua lại của chính mình. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu mua lại của chính mình được ghi giảm thặng dư vốn.

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu mua lại của chính mình và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu mua lại của chính mình được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn".

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt, danh sách cổ đông được hưởng quyền nhận cổ tức được xác lập bởi Trung tâm Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ như sau:

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được trình bày là một khoản phải trả trên báo cáo tình hình tài chính riêng. Quỹ được sử dụng chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng, phúc lợi của Công ty.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng;

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Thu nhập từ cổ tức, lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ kế toán tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu kỳ kế toán phát sinh.

Các khoản giảm trừ doanh thu đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ trong kỳ kế toán, phát sinh sau ngày của báo cáo tình hình tài chính nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ kế toán lập báo cáo.

Ghi nhận chi phí

Giá vốn được ghi nhận khi các chi phí liên quan đến việc tạo ra doanh thu đã phát sinh và có thể xác định một cách đáng tin cậy, phù hợp với doanh thu tương ứng theo nguyên tắc phù hợp, không phụ thuộc vào thời điểm chi trả. Trường hợp cần thiết, các khoản chi phí có liên quan trực tiếp đến doanh thu trong kỳ được ước tính và ghi nhận trên cơ sở các giả định hợp lý và nhất quán. Các chi phí vượt trên mức tiêu hao bình thường được ghi nhận ngay vào giá vốn theo nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí ngoài giá vốn bao gồm chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp và các chi phí hoạt động khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trên cơ sở phù hợp với doanh thu liên quan và không phụ thuộc vào thời điểm chi trả. Các khoản chi phí này được ghi nhận khi có đầy đủ bằng chứng về việc phát sinh nghĩa vụ và có thể xác định một cách đáng tin cậy.

Các khoản chi phí không mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ theo nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí được phân loại và trình bày phù hợp với bản chất kinh tế của từng loại chi phí theo quy định của chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tuỳ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

Ước tính kế toán trọng yếu

Việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác có liên quan đến lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các khoản nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bao gồm:

- Thời gian hữu dụng ước tính của TSCĐ;
- Thuế TNDN (Thuyết minh Thuế TNDN);
- Nợ tiềm tàng và các cam kết khác.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc đánh giá là hợp lý.

Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc của Công ty xác định rằng rủi ro và tỷ suất sinh lời của doanh nghiệp bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về các loại sản phẩm, dịch vụ mà Công ty cung cấp. Do vậy báo cáo bộ phận chính yếu của Công ty là theo lĩnh vực kinh doanh.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tiền mặt	**1.007.123.431**	**2.193.221.058**
Tiền gửi không kỳ hạn	**3.546.520.613**	**427.975.164.283**
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	3.111.150.727	10.321.034.744
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	24.677.057	268.113.106.402
- Ngân hàng TMCP Á Châu	76.093.745	143.485.037.279
- Các ngân hàng khác	334.599.084	6.055.985.858
Các khoản tương đương tiền	-	**259.000.000.000**
- Ngân hàng TMCP Á Châu	-	184.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	-	75.000.000.000
Cộng	**4.553.644.044**	**689.168.385.341**

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ VND			Số đầu kỳ VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
Ngắn hạn	**5.088.866.440.171**	**5.088.866.440.171**	-	**4.217.384.499.465**	**4.217.384.499.465**	-
Tiền gửi có kỳ hạn	***5.088.866.440.171***	***5.088.866.440.171***	-	***4.217.384.499.465***	***4.217.384.499.465***	-
- Gốc tiền gửi có kỳ hạn	4.967.912.504.658	4.967.912.504.658		4.105.234.531.748	4.105.234.531.748	-
+ Ngân hàng TMCP Á Châu	*1.568.000.000.000*	*1.568.000.000.000*	-	*156.800.000.000*	*160.793.438.909*	-
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	*1.716.500.000.000*	*1.716.500.000.000*	-	*1.110.228.233.293*	*1.110.228.233.293*	-
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	*1.377.412.504.658*	*1.377.412.504.658*	-	*1.619.706.298.455*	*1.118.292.047.959*	-
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	*306.000.000.000*	*306.000.000.000*	-	*851.000.000.000*	*788.590.328.768*	-
+ Ngân hàng TMCP Quân đội	-	-	-	*367.500.000.000*	*367.500.000.000*	-
- Dự thu tiền gửi có kỳ hạn	120.953.935.513	120.953.935.513	-	112.149.967.717	112.149.967.717	-
Cộng	**5.088.866.440.171**	**5.088.866.440.171**	-	**4.217.384.499.465**	**4.217.384.499.465**	-

Số dư cuối kỳ tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và thời gian đáo hạn còn lại không quá 12 tháng tại các ngân hàng thương mại trong nước hưởng lãi suất từ 5,0% đến 8,2% (tại ngày 01 tháng 01 năm 2026 là: từ 5,0% đến 6,5%).

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, Công ty có các khoản tiền gửi có kỳ hạn với tổng trị giá là 100 tỷ đồng tại Ngân hàng TMCP Á Châu được dùng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng của Công ty Cổ phần Ắc quy Tia sáng (công ty con) (tại ngày 01 tháng 01 năm 2026 là: 58 tỷ đồng).

Đầu tư vào Công ty con

	Số cuối kỳ VND			Số đầu kỳ VND		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	**5.584.952.700.800**	(*)	-	**5.584.952.700.800**	(*)	-
- Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Lào Cai	2.785.094.822.400	(*)	-	2.785.094.822.400	(*)	-
- Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang - Đình Vũ	60.000.000.000	(*)	-	60.000.000.000	(*)	-
- Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Nghi Sơn	1.000.000.000.000	(*)	-	1.000.000.000.000	(*)	-
- Công ty TNHH MTV Thể thao Hóa chất Đức Giang	5.000.000.000	(*)	-	5.000.000.000	(*)	-
- Công ty TNHH MTV Bất động sản Đức Giang	1.000.000.000.000	(*)	-	1.000.000.000.000	(*)	-
- Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang - Đắk Nông	600.000.000.000	(*)	-	600.000.000.000	(*)	-
- Công ty Cổ phần Ắc quy Tia Sáng (**)	134.857.878.400	68.805.040.000	-	134.857.878.400	95.639.005.600	-
Cộng	**5.584.952.700.800**	(*)	-	**5.584.952.700.800**	(*)	-

Tại ngày 30/06/2026, các công ty con của Công ty vẫn đang duy trì hoạt động kinh doanh bình thường.

(*) Tại thời điểm 30/06/2026, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

(**) Giá trị có thể thu hồi của khoản đầu tư này được xác định bằng các tham chiếu giá đóng cửa (tại ngày kết thúc kỳ kế toán hoặc ngày có giao dịch gần nhất với ngày kết thúc kỳ kế toán) của cổ phiếu của Công ty Cổ phần Ắc quy Tia sáng được niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội ("HNX").

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối kỳ VND		Số đầu kỳ VND	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Phải thu ngắn hạn của khách hàng là các bên liên quan	**6.922.686.712**	-	**50.395.224.084**	-
- Công ty Cổ phần Phốt pho Apatit Việt Nam	302.663.130	-	512.730.916	-
- Công ty Cổ phần Ắc quy Tia Sáng	-	-	137.698.191	-
- Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Lào Cai	6.620.023.582	-	49.744.794.977	-
Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	**5.867.369.815**	-	**6.193.398.606**	-
- Công ty TNHH Thương Mại & Đầu Tư Việt Xanh	976.114.751	-	302.541.324	-
- Công ty Cổ Phần Liberico	924.192.253	-	892.704.177	-
- Các đối tượng khác	3.967.062.811	-	4.998.153.105	-
Cộng	**12.790.056.527**	-	**56.588.622.690**	-

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ VND		Số đầu kỳ VND	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Trả trước cho người bán ngắn hạn là các bên liên quan	-	-	-	-
Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	**12.888.256.187**	-	**16.057.024.565**	-
- Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Nam Kiên	10.000.000.000	-	10.000.000.000	-
- Các đối tượng khác	2.888.256.187	-	6.057.024.565	-
Cộng	**12.888.256.187**	-	**16.057.024.565**	-

9. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối kỳ VND		Số đầu kỳ VND	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Phải thu ngắn hạn với các bên liên quan	-	-	-	-
Phải thu ngắn hạn với các tổ chức và cá nhân khác	**147.064.932**	-	**173.661.320**	-
- Tạm ứng	95.889.932	-	107.182.000	-
- Các khoản khác	51.175.000	-	66.479.320	-
Cộng	**147.064.932**	-	**173.661.320**	-

10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối kỳ VND		Số đầu kỳ VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	49.843.014.421	-	36.171.599.807	-
- Công cụ, dụng cụ	169.836.703	-	176.577.363	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	126.674.235	-	29.161.875	-
- Thành phẩm	64.896.524.729	-	52.814.500.183	-
Cộng	**115.036.050.088**	-	**89.191.839.228**	-

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	**83.467.860.703**	**159.873.194.765**	**133.295.636.098**	**531.594.759**	**377.168.286.325**
Mua trong kỳ	-	*55.000.000*	-	-	*55.000.000*
Thanh lý, nhượng bán	-	-	*(1.406.570.533)*	-	*(1.406.570.533)*
Số dư cuối kỳ	**83.467.860.703**	**159.928.194.765**	**131.889.065.565**	**531.594.759**	**375.816.715.792**
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	14.892.275.940	52.162.708.121	65.120.248.613	403.802.551	132.579.035.225
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	**(37.820.027.784)**	**(123.248.745.159)**	**(111.281.760.795)**	**(364.380.257)**	**(272.714.913.995)**
Khấu hao trong kỳ	*(1.920.101.243)*	*(5.684.048.695)*	*(3.965.862.322)*	*(20.720.996)*	*(11.590.733.256)*
Thanh lý, nhượng bán	-	-	*1.243.490.045*	-	*1.243.490.045*
Số dư cuối kỳ	**(39.740.129.027)**	**(128.932.793.854)**	**(114.004.133.072)**	**(385.101.253)**	**(283.062.157.206)**
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	**45.647.832.919**	**36.624.449.606**	**22.013.875.303**	**167.214.502**	**104.453.372.330**
Số dư cuối kỳ	**43.727.731.676**	**30.995.400.911**	**17.884.932.493**	**146.493.506**	**92.754.558.586**

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 là: 132.579.035.225 đồng (tại ngày 01 tháng 01 năm 2026 là: 117.753.942.468 đồng).

Công ty không có tài sản cố định hữu hình đang hiện hữu hoặc đã thanh lý/nhượng bán/chuyển nhượng trong kỳ có giá trị từ 10% tổng giá trị tài sản cố định hữu hình trở lên.

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá		
Số dư đầu kỳ	**265.000.000**	**265.000.000**
Số dư cuối kỳ	**265.000.000**	**265.000.000**
Trong đó:		
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	265.000.000	265.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu kỳ	**(265.000.000)**	**(265.000.000)**
Số dư cuối kỳ	**(265.000.000)**	**(265.000.000)**
Giá trị còn lại		
Số dư đầu kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	-	-

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 là 265.000.000 đồng (tại ngày 01 tháng 01 năm 2026 là: 265.000.000 đồng).

Công ty không có tài sản cố định vô hình đang hiện hữu hoặc đã thanh lý/nhượng bán/chuyển nhượng trong kỳ có giá trị từ 10% tổng giá trị tài sản cố định vô hình trở lên.

13. CHI PHÍ CHỜ PHÂN BỔ

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Ngắn hạn	**2.003.334.191**	**2.105.737.118**
- Chi phí vật tư xe	1.095.930.025	1.298.945.316
- Khác	907.404.166	806.791.802
Dài hạn	**44.175.011.408**	**45.247.370.779**
- Tiền thuê đất trả trước (*)	44.175.011.408	45.065.011.412
- Khác	-	182.359.367
Cộng	**46.178.345.599**	**47.353.107.897**

(*) Đây là các khoản tiền thuê đất trả một lần được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 29 năm đến 37 năm phù hợp với thời gian của từng hợp đồng thuê đất.

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Phải trả các bên liên quan	**2.577.740.288**	**4.630.665.827**
- Công ty Cổ phần Ắc quy Tia sáng	3.127.680	29.004.782
- Công ty TNHH Văn Minh	2.574.612.608	4.601.661.045
Phải trả các nhà cung cấp khác	**2.433.570.705**	**5.811.767.432**
- Công ty Cổ phần Công nghệ Bao bì Phương Bắc	617.509.078	963.867.925
- Các đối tượng khác	1.816.061.627	4.847.899.507
Cộng	**5.011.310.993**	**10.442.433.259**

15. PHẢI TRẢ CỔ TỨC, LỢI NHUẬN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Phải trả về cổ tức, lợi nhuận	-	1.139.335.239.000
Cộng	**-**	**1.139.335.239.000**

Công ty đã thực hiện phân loại lại khoản phải trả cổ tức, lợi nhuận với giá trị 1.139.335.239.000 đồng tại ngày 01/01/2026 từ chỉ tiêu "Phải trả khác" sang chỉ tiêu "Phải trả cổ tức, lợi nhuận" trên Báo cáo tình hình tài chính để đảm bảo nhất quán khi áp dụng Thông tư 99/2025/TT-BTC. Việc phân loại lại này không làm thay đổi tổng nợ phải trả, vốn chủ sở hữu và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	Đầu kỳ VND		Số phát sinh trong kỳ VND		Cuối kỳ VND	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
- Thuế GTGT hàng nội địa	1.328.370.594	-	3.046.054.593	3.399.347.275	975.077.912	-
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	1.780.981.558	1.780.981.558	-	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	254.885	254.885	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	55.468.179.908	-	24.001.300.029	63.468.179.908	16.001.300.029	-
- Thuế thu nhập cá nhân	-	3.707.060.265	64.773.617.148	59.880.829.035	1.185.727.848	-
- Thuế tài nguyên, phí cấp quyền khai	876.736.000	-	96.001.561	972.737.561	-	-
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	3.094.283.220	3.094.283.220	-	-
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp	496.178.480	-	-	496.178.480	-	-
Cộng	**58.169.464.982**	**3.707.060.265**	**96.792.492.994**	**133.092.791.922**	**18.162.105.789**	**-**

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Phải trả ngắn hạn khác với các bên liên quan	-	-
Phải trả ngắn hạn khác với các đơn vị và cá nhân khác	**3.536.125.571**	**3.662.946.173**
- Kinh phí công đoàn	550.936.269	414.148.396
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	819.385.791	819.385.791
- Các khoản phải trả ngắn hạn khác	2.165.803.511	2.429.411.986
Cộng	**3.536.125.571**	**3.662.946.173**

18. QUỸ KHEN THƯỞNG PHÚC LỢI

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Số đầu kỳ	**291.872.768.485**	**263.627.119.292**
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	-	179.692.959.588
Chi quỹ	(35.512.223.412)	(48.447.310.395)
Chuyển quỹ về công ty con	-	(103.000.000.000)
Số cuối kỳ	**256.360.545.073**	**291.872.768.485**

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

	Kỳ này VND	Năm trước VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	**3.797.792.860.000**	**3.797.792.860.000**
Vốn góp đầu kỳ	*3.797.792.860.000*	*3.797.792.860.000*
Vốn góp cuối kỳ	*3.797.792.860.000*	*3.797.792.860.000*
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	**1.139.335.239.000**

19.2 CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Cổ phiếu phổ thông CP	Tỷ lệ %	Cổ phiếu phổ thông CP	Tỷ lệ %
- Ông Đào Hữu Huyền	69.794.354	18,3776%	69.794.354	18,3776%
- Bà Ngô Thị Ngọc Lan	25.205.068	6,6368%	25.205.068	6,6368%
- Ông Đào Hữu Kha	22.667.148	5,9685%	22.667.148	5,9685%
- Cổ đông khác	262.111.843	69,0169%	262.111.843	69,0169%
- Cổ phiếu quỹ	873	0,0002%	873	0,0002%
Cộng	**379.779.286**	**100,0000%**	**379.779.286**	**100,0000%**

19.3 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn VND	Cổ phiếu mua lại của chính mình VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	LNST chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư đầu kỳ trước	**3.797.792.860.000**	**1.786.667.372.400**	**(8.730.000)**	**1.300.586.693.646**	**1.685.234.204.057**	**8.570.272.400.103**
- Lãi trong kỳ trước	-	-	-	-	2.023.665.542.843	2.023.665.542.843
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	372.138.087.569	(372.138.087.569)	-
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(179.692.959.588)	(179.692.959.588)
- Tạm ứng cổ tức năm 2025	-	-	-	-	(1.139.335.239.000)	(1.139.335.239.000)
- Khác	-	-	-	4.302.475.275	-	4.302.475.275
Số dư đầu kỳ này	**3.797.792.860.000**	**1.786.667.372.400**	**(8.730.000)**	**1.677.027.256.490**	**2.017.733.460.743**	**9.279.212.219.633**
- Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	1.388.426.321.455	1.388.426.321.455
Số dư cuối kỳ này	**3.797.792.860.000**	**1.786.667.372.400**	**(8.730.000)**	**1.677.027.256.490**	**3.406.159.782.198**	**10.667.638.541.088**

20. KHOẢN MỤC NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Ngoại tệ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền đã bao gồm số ngoại tệ là 39.714,14 USD (tại ngày 01 tháng 01 năm 2026 là: 1.119,20 USD).

21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
- Doanh thu bán thành phẩm	152.203.066.552	329.718.741.107
- Doanh thu bán hàng hóa	193.019.501	7.540.493.437
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	42.543.669.798	40.608.291.412
Cộng	**194.939.755.851**	**377.867.525.956**
Doanh thu với các bên liên quan: *Chi tiết tại thuyết minh số 29*	**77.407.548.204**	**271.103.204.052**

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	116.100.229.592	172.380.558.383
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	241.232.896	7.576.057.845
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	37.796.987.595	32.510.458.536
Cộng	**154.138.450.083**	**212.467.074.764**

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.297.000.000.000	1.202.408.176.400
- Lãi tiền gửi	125.517.600.110	96.579.998.690
- Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	229.332.995	22.206.040
Cộng	**1.422.746.933.105**	**1.299.010.381.130**

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
- Chi phí nhân viên bán hàng	17.941.520.808	8.100.821.084
- Chi phí vận chuyển	1.808.268.301	24.506.492.154
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	498.223.050	468.946.191
- Chi phí bằng tiền khác	3.467.168.835	3.108.300.792
Cộng	**23.715.180.994**	**36.184.560.221**

25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
- Chi phí nhân viên quản lý	14.181.052.207	15.127.389.602
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.916.642.808	2.791.085.937
- Thuế, phí và lệ phí	7.057.808.347	4.338.200.594
- Chi phí bằng tiền khác	3.187.914.582	2.662.343.774
Cộng	**27.343.417.944**	**24.919.019.907**

26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	**1.412.427.621.484**	**1.403.824.525.409**
Điều chỉnh thu nhập chịu thuế		
- Điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế	4.578.878.661	7.935.907.200
+ Chi phí không được khấu trừ	*4.578.878.661*	*7.409.236.865*
+ Khác	-	*526.670.335*
- Điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế	(1.297.000.000.000)	(1.202.408.176.400)
+ Thu nhập từ cổ tức	*(1.297.000.000.000)*	*(1.202.408.176.400)*
Tổng thu nhập chịu thuế trong kỳ	**120.006.500.145**	**209.352.256.209**
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	**20%**	**20%**
- Thuế TNDN phải trả ước tính (*)	24.001.300.029	41.870.451.242
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	**24.001.300.029**	**41.870.451.242**

(*) Chi phí thuế TNDN hiện hành cho kỳ kế toán được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	112.615.687.097	101.482.600.432
- Chi phí nhân công	49.833.536.715	57.103.593.998
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.590.733.256	16.628.337.951
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.041.489.219	68.976.159.755
- Chi phí khác bằng tiền	16.425.213.830	24.467.656.079
Cộng	**205.506.660.117**	**268.658.348.215**

28. BÁO CÁO BỘ PHẬN

(a) Báo cáo bộ phận chính yếu (theo lĩnh vực kinh doanh)

Ban Tổng Giám đốc của Công ty xác định rằng, việc ra các quyết định quản lý của Công ty chủ yếu dựa trên các loại sản phẩm, dịch vụ mà Công ty cung cấp. Do đó, báo cáo bộ phận chính yếu của Công ty là theo lĩnh vực kinh doanh.

Chỉ tiêu	Từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026		
	Hoạt động bán hàng hóa và thành phẩm	Hoạt động cung cấp dịch vụ	Tổng bộ phận đã báo cáo
	VND	VND	VND
KẾT QUẢ KINH DOANH			
Doanh thu thuần từ bán hàng và dịch vụ ra bên ngoài	152.396.086.053	42.543.669.798	194.939.755.851
Giá vốn của hàng bán và dịch vụ ra bên ngoài	116.341.462.488	37.796.987.595	154.138.450.083
Thu nhập thuần không phân bổ (*)	(*)	(*)	1.422.746.933.105
LỢI NHUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	(*)	(*)	**1.412.413.761.709**
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	(*)	(*)	2.816.732.606
TÀI SẢN			
Tài sản không phân bổ (**)	(**)	(**)	10.960.985.847.803
TỔNG TÀI SẢN	(**)	(**)	**10.960.985.847.803**
NỢ PHẢI TRẢ			
Nợ phải trả không phân bổ (**)	(**)	(**)	293.347.306.715
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	(**)	(**)	**293.347.306.715**

Chỉ tiêu	Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025		
	Hoạt động bán hàng hóa và thành phẩm	Hoạt động cung cấp dịch vụ	Tổng bộ phận đã báo cáo
	VND	VND	VND
KẾT QUẢ KINH DOANH			
Doanh thu thuần từ bán hàng và dịch vụ ra bên ngoài	337.259.234.544	40.608.291.412	377.867.525.956
Giá vốn của hàng bán và dịch vụ ra bên ngoài	179.956.616.228	32.510.458.536	212.467.074.764
Thu nhập thuần không phân bổ (*)	(*)	(*)	1.299.010.381.130
LỢI NHUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	(*)	(*)	**1.403.219.324.622**
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	(*)	(*)	4.252.068.132
TÀI SẢN			
Tài sản không phân bổ (**)	(**)	(**)	10.143.900.180.018
TỔNG TÀI SẢN			**10.143.900.180.018**
NỢ PHẢI TRẢ			
Nợ phải trả không phân bổ (**)	(**)	(**)	387.064.190.061
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	(**)	(**)	**387.064.190.061**

(*) Thu nhập thuần không phân bổ chủ yếu bao gồm kết quả từ doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ.

(**) Tài sản bộ phận không phân bổ chủ yếu bao gồm các khoản tiền, tiền gửi tiết kiệm và đầu tư vào công ty con. Nợ bộ phận không phân bổ chủ yếu liên quan đến khoản quỹ khen thưởng phúc lợi, cổ tức phải trả.

(b) Báo cáo bộ phận thứ yếu (theo khu vực địa lý)

Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý bởi doanh thu của Công ty chủ yếu đến từ khách hàng trong nước và Công ty chỉ hoạt động trong một khu vực địa lý là lãnh thổ Việt Nam.

29. BÊN LIÊN QUAN

Các cá nhân là thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã được trình bày tại mục Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc.

Chi tiết các bên liên quan là tổ chức và các mối quan hệ như sau:

Tên	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Lào Cai	Công ty con trực tiếp
Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang – Đình Vũ	Công ty con trực tiếp
Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Nghi Sơn	Công ty con trực tiếp
Công ty TNHH MTV Thể thao Hóa chất Đức Giang	Công ty con trực tiếp
Công ty TNHH MTV Bất động sản Đức Giang	Công ty con trực tiếp
Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang – Đắk Nông	Công ty con trực tiếp
Công ty Cổ phần Ắc quy Tia Sáng	Công ty con trực tiếp
Công ty Cổ phần Phốt pho Apatit Việt Nam	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Văn Minh	Công ty có liên quan

(a) Giao dịch với các bên liên quan

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	**77.407.548.204**	**271.103.204.052**
- Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Lào Cai	60.734.250.365	237.236.846.151
- Công ty Cổ phần Phốt pho Apatit Việt Nam	1.813.285.038	2.963.170.533
- Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang - Đắk Nông	105.408.610	2.500.270.494
- Công ty TNHH MTV Thể thao Hóa chất Đức Giang	1.633.520	710.900
- Công ty Cổ phần Ắc quy Tia Sáng	68.875.507	7.598.183.539
- Công ty TNHH Văn Minh	14.399.322.425	20.671.479.089
- Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Nghi Sơn	284.772.739	132.543.346
Mua hàng hóa, dịch vụ	**81.539.927.885**	**64.655.597.219**
- Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Lào Cai	1.664.594.400	1.921.186.740
- Công ty Cổ phần Phốt pho Apatit Việt Nam	421.970.000	546.290.000
- Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang - Đắk Nông	-	382.778.800
- Công ty Cổ phần Ắc quy Tia Sáng	54.577.760	76.408.880
- Công ty TNHH Văn Minh	79.398.785.725	61.728.932.799

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận được chia	**1.297.000.000.000**	**1.202.408.176.400**
- Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Lào Cai	1.297.000.000.000	1.200.000.000.000
- Công ty Cổ phần Ắc quy Tia Sáng	-	2.408.176.400
Góp vốn bằng tiền	-	**500.000.000.000**
- Công ty TNHH MTV Bất động sản Đức Giang	-	500.000.000.000
Phân bổ quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	**103.000.000.000**
- Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Lào Cai	-	103.000.000.000
Mua Tài sản cố định	-	**392.540.909**
- Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Lào Cai	-	392.540.909
Bán Tài sản cố định	**217.000.000**	**1.741.881.792**
- Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Lào Cai	-	1.741.881.792
- Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Nghi Sơn	217.000.000	-

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
- Thu nhập của các nhân sự quản lý chủ chốt	3.344.916.496	2.775.209.055
Cộng	**3.344.916.496**	**2.775.209.055**

(b) Số dư với các bên liên quan

Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 7 và thuyết minh số 14.

30. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Cam kết thuê hoạt động phản ánh số tiền thuê đất của Công ty, Các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang trong tương lai như sau:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
- Từ 1 năm trở xuống	4.395.607.230	4.376.551.228
- Trên 1 năm đến 5 năm	17.594.471.680	17.506.204.912
- Trên 5 năm	97.563.147.939	99.347.712.876
Cộng	**119.553.226.848**	**121.230.469.016**

31. NỢ TIỀM TÀNG VÀ CÁC CAM KẾT KHÁC

Nghĩa vụ hoàn nguyên các khu đất thuê

Công ty đã ký các hợp đồng thuê đất và đã thực hiện việc xây dựng công trình và hạ tầng trên các lô đất thuê này. Phần lớn các hợp đồng thuê đất này không có quy định về nghĩa vụ cần hoàn nguyên khu đất thuê. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá là Công ty có thể có các nghĩa vụ tương lai liên quan đến việc tháo dỡ, di dời các tài sản của Công ty ra khỏi khu đất và phục hồi khu đất về tình trạng ban đầu tại cuối thời hạn thuê đất, và nghĩa vụ này chỉ có thể xác định được rõ ràng khi có thêm các sự kiện trong tương lai, ví dụ như các trao đổi bổ sung với bên cho thuê đất hay khi cơ quan chức năng ban hành bổ sung các văn bản pháp luật làm rõ nghĩa vụ của bên đi thuê khi hợp đồng thuê đất không có điều khoản hoàn nguyên. Do đó, Công ty không ghi nhận khoản dự phòng chi phí hoàn nguyên đối với đất thuê vào Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026.

Bảo lãnh thanh toán

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, Công ty đã phát hành các thư bảo lãnh và các hợp đồng bảo lãnh thanh toán cho các khoản vay của các công ty con là:

- Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Lào Cai trị giá 2.600 tỷ đồng với các ngân hàng (tại ngày 01 tháng 01 năm 2026 là: 2.600 tỷ đồng); và
- Công ty Cổ phần Phốt pho Apatit Việt Nam trị giá 400 tỷ đồng với các ngân hàng (tại ngày 01 tháng 01 năm 2026 là: 400 tỷ đồng).

32. THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC MỘT SỐ LÃNH ĐẠO CHỦ CHỐT BỊ KHỞI TỐ VÀ ĐANG TRONG QUÁ TRÌNH PHỤC VỤ ĐIỀU TRA

Ngày 17/3/2026, Công ty đã công bố thông tin về việc cơ quan cảnh sát điều tra đã khởi tố vụ án "Gây ô nhiễm môi trường; Vi phạm quy định về nghiên cứu, thăm dò, khai thác tài nguyên; Vi phạm quy định về kế toán gây hậu quả nghiêm trọng" xảy ra tại Tập đoàn Hóa chất Đức Giang và các đơn vị liên quan. Theo đó, một số lãnh đạo chủ chốt của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang tại thời điểm đó (bao gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng) đã bị khởi tố và đang trong quá trình phục vụ điều tra.

Cũng liên quan đến vụ án nêu trên, ngày 23/07/2026, Công ty tiếp tục công bố thông tin một số lãnh đạo chủ chốt của Công ty tại thời điểm công bố thông tin bị khởi tố về các hành vi gây ô nhiễm môi trường, vi phạm quy định về nghiên cứu, thăm dò, khai thác tài nguyên và hiện đang phục vụ công tác điều tra.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, do vụ việc đang trong quá trình điều tra và chưa có kết luận chính thức từ cơ quan có thẩm quyền, Ban Tổng Giám đốc chưa có đủ cơ sở và thông tin cần thiết để đánh giá một cách đáng tin cậy các ảnh hưởng tài chính có thể phát sinh từ sự kiện nêu trên. Công ty sẽ tiếp tục theo dõi và cập nhật khi có thông tin chính thức, đồng thời xem xét ghi nhận hoặc thuyết minh bổ sung (nếu cần thiết) theo quy định hiện hành.

33. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ngày 13/08/2026, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã thông qua Nghị quyết số 02/2026/NQ-ĐHĐCĐ về phương án phân phối lợi nhuận năm 2025, trong đó chi trả cổ tức bằng tiền với mức 8.000 đồng/cổ phiếu tương ứng tổng giá trị cổ tức là 3.038.227.304.000 đồng, đã tạm trả trong năm 2025 là 3.000 đồng/cổ phiếu tương ứng 1.139.335.239.000 đồng, số tiền trả tiếp là 5.000 đồng/cổ phiếu tương ứng 1.898.892.065.000 đồng, trích quỹ khen thưởng phúc lợi với số tiền 170.914.014.042 đồng và trích quỹ đầu tư phát triển với số tiền 284.856.690.070 đồng. Do việc phân phối cổ tức được thông qua sau ngày 30/06/2026, Công ty không ghi nhận khoản cổ tức này là khoản phải trả tại ngày 30/06/2026.

Tiếp đó, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã thông qua một số thay đổi về nhân sự Hội đồng Quản trị (HĐQT) và Ban Điều hành nhiệm kỳ 2024 - 2029. Cụ thể, Công ty miễn nhiệm chức danh Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc đối với ông Lưu Bách Đạt, miễn nhiệm chức danh Thành viên HĐQT đối với ông Nguyễn Quốc Trung, miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc đối với ông Phùng Trọng Tú; đồng thời bầu bổ sung ông Đào Đức Mạnh giữ chức vụ Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc, bầu bổ sung ông Võ Thăng Long giữ chức Phó Tổng Giám đốc. Bên cạnh đó, ông Phạm Duy Tùng chính thức được bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc, và Tập đoàn điều chỉnh số lượng Người đại diện theo pháp luật từ 03 (ba) người xuống 01 (một) người duy nhất là Tổng Giám đốc – ông Phạm Duy Tùng.

Ngoài các nội dung nêu trên, Ban Tổng Giám đốc cho rằng không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần điều chỉnh hoặc thuyết minh bổ sung trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

34. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Báo cáo tình hình tài chính riêng và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty đã được kiểm toán sau khi đã được phân loại lại theo hướng dẫn của Thông tư 99/2025/TT-BTC.

Chi tiết phân loại lại các số liệu so sánh như sau:

Tên khoản mục	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Mã số	Số liệu sau điều chỉnh
		VND	VND		VND
A. BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH					
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	4.105.234.531.748	112.149.967.717	123	4.217.384.499.465
Phải thu ngắn hạn khác	136	112.323.629.037	(112.149.967.717)	135	173.661.320
Phải trả cổ tức, lợi nhuận		-	1.139.335.239.000	313	1.139.335.239.000
Phải trả ngắn hạn khác	319	1.142.998.185.173	(1.139.335.239.000)	320	3.662.946.173

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 đã được soát xét.

Phê duyệt, ngày 26 tháng 08 năm 2026

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Hồng Đức	Trương Thị Loan	Phạm Duy Tùng